

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 14/01/2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Minh.

Ông Nguyễn Văn Tính.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thanh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 45/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1987. Có mặt;

Bị đơn: Chị Mai Thị TQ, sinh năm 1990. Có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn LS, thị trấn L, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966. Có mặt;

Địa chỉ: Thôn LS, thị trấn L, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

**Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:* Anh và chị Mai Thị TQ được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 27/10/2015 tại Ủy ban nhân dân phường KN, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn LS, thị trấn L, huyện TD, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 9 năm thì xảy ra mâu thuẫn, là do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung dẫn đến tình cảm không còn. Vợ chồng nhiều lần nói chuyện để tìm cách khắc phục nhưng vẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng sống ly thân được 03 năm. Anh xét thấy không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Q.

- Con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn MGH, sinh ngày 22/4/2017 và cháu Nguyễn MC, sinh ngày 23/6/2021. Hiện tại hai cháu đang sống chung với chị Q. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cả hai con cho chị Q nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung thì anh và chị Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn chị Mai Thị TQ trình bày:* Chị xác nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn như anh S trình bày. Từ khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận, không xảy ra mâu thuẫn và đã có với nhau hai con chung là Nguyễn MGH, sinh ngày 22/4/2017 và cháu Nguyễn MC, sinh ngày 23/6/2021.

Khoảng tháng 6/2024, chị biết việc anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Đến ngày 12/7/2024, chị nhận được đơn xin ly hôn của anh S gửi qua đường bưu điện. Sau tất cả sự việc, chị vẫn muốn hai vợ chồng ngồi lại với nhau nói chuyện, tìm cách hòa giải, tháo gỡ khúc mắc để tiếp tục cùng nhau chăm sóc cho con chung nên đối với yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn S, chị không đồng ý ly hôn.

Trong trường hợp phải ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu GH và MC cho đến khi thành niên. Chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000 đồng/2 cháu.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Người làm chứng bà Nguyễn Thị M trình bày:* Bà là mẹ đẻ của anh S. Anh S và chị Q tự do tìm hiểu và kết hôn nhân năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bà ở số 423 đường Hai Bà Trưng, thị trấn L, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, không xảy ra mâu thuẫn và đã có với nhau hai con chung là cháu GH và MC.

Khoảng tháng 7/2024 thì bà biết anh S có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và có làm đơn xin ly hôn chị Q. Anh S đã bỏ nhà đi từ ngày 12/7/2024

đến nay chưa về nhà, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Sau toàn bộ sự việc, chị Q vẫn rất quan tâm đến chồng, vẫn bình tĩnh và muốn nói chuyện giảng hòa. Từ khi về làm dâu đến nay, chị Q là một người có đạo đức, sống có hiếu với bố mẹ chồng, quan tâm dạy bảo con cái học hành đầy đủ, chưa có một khuyết điểm nào khiến bố mẹ chồng phiền lòng. Đối với yêu cầu ly hôn của anh S, gia đình bà không đồng ý và mong Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng anh S, chị Q đoàn tụ và cùng nhau nuôi dạy con cái.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 45/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 262, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S về việc ly hôn với bị đơn chị M Thị T Q.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/9/2024, anh Nguyễn Văn S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Anh S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh S trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Anh Nguyễn Văn S kết hôn với chị M Thị T Q trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/10/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị Q là hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là có căn cứ.

Anh S cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung dẫn đến không còn tình cảm vợ chồng. Sau khi phát sinh mâu thuẫn hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để tìm cách khắc phục nhưng vẫn không thể dung hòa được, anh đề nghị được ly hôn chị Q.

Chị Q cho rằng anh S có mối quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác nhưng chị Quế sẵn sàng tha thứ đối với những việc mà anh S đã làm, chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy các con nên không đồng ý ly hôn.

Bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của anh S xác nhận trong thời gian chung sống, vợ chồng anh S chị Q hòa thuận, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Anh S đã làm những chuyện có lỗi với gia đình, vợ và các con nhưng chị Q vẫn còn thương chồng, tác động bố mẹ để khuyên nhủ anh S quay về.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân của anh S, chị Q là có thực nhưng chưa đến mức trầm trọng, lý do ly hôn anh S đưa ra chưa có tính thuyết phục nên cần tạo tạo điều kiện cho vợ chồng có thời gian suy nghĩ, hàn gắn tình cảm. Đồng thời cần tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của hai con chung là cháu Nguyễn M Gia Hân và cháu Nguyễn Minh Châu nên Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn xin ly hôn của anh S là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về con chung, tài sản chung, công nợ: Do yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn S không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn S.

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 45/2024/HNGĐ-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận anh S đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số 0001553 ngày 23/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai